

Số: *496/1* /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày *17* tháng *11* năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành: Danh mục các loài cây chủ lực cho trồng rừng sản xuất
và Danh mục các loài cây chủ yếu cho trồng rừng theo các vùng sinh thái lâm nghiệp**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/3/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI;

Căn cứ Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: Danh mục các loài cây chủ lực trồng rừng sản xuất và Danh mục các loài cây chủ yếu trồng rừng theo các vùng sinh thái lâm nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Website Bộ NN & PTNT;
- UBND tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Vụ PC – Bộ NN & PTNT;
- Sở NN và PTNT các tỉnh, Tp. Trục thuộc TW;
- Lưu: VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hà Công Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 2105/ SY-UBND

Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2014

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Công ty Lâm nghiệp Quy Nhơn;
- Công ty Lâm nghiệp Hà Thanh;
- Công ty Lâm nghiệp 19;
- UBND các huyện, TX, TP;
- PVP NN, K13;
- Lưu: VT (17).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi

**DANH MỤC CÁC LOÀI CÂY CHỦ LỰC TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT
THEO 8 VÙNG SINH THÁI LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số 4961/QĐ-BNN-TCLN ngày 17 tháng 11 năm 2014
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. VÙNG TÂY BẮC, gồm 4 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hoà Bình

1. Cây lấy gỗ

a) Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd): các xuất xứ Pongaki, Cardwell, Iron Range; Rừng giống, vườn giống được công nhận.

b) Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*): BV10, BV16, BV32, BV73, BV75, BV33.

c) Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake) và các giống lai với Bạch đàn urô (*Eucalyptus* hybrid): PN2, PN14, U6, PN108, PN46, PN21, PN47.

d) Sa mộc (*Cunninghamia lanceolata* (Lamb.) Hook): Rừng giống, vườn giống, cây trọt được công nhận.

đ) Vôi thuốc (*Schima wallichii* Choisy): Rừng giống, vườn giống, cây trọt được công nhận.

2. Cây LSG

a) Mắc ca (*Macadamia integrifolia* Maid. et Betcher): OC, 246, 816.

b) Sơn tra (*Docynia indica* (Wall) Dec): Rừng giống, vườn giống, cây trọt được công nhận.

II. VÙNG TRUNG TÂM, gồm 6 tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc.

1. Cây lấy gỗ

a) Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd): các xuất xứ Pongaki, Cardwell, Iron Range; Rừng giống, vườn giống được công nhận.

b) Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*): BV10, BV16, BV32, BV73, BV75, BV33, AH1, AH7.

c) Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake) và các giống lai với Bạch đàn urô (*Eucalyptus* hybrid): PN2, PN14, U6, PNCT3, PNCT_{IV}, PN21, PN108, UP35, UP72, UP95, UP99.

d) Mỡ (*Manglietia conifera* Dandy): Rừng giống, vườn giống, cây trọt được công nhận.

đ) Sa mộc (*Cunninghamia lanceolata* (Lamb.) Hook): Rừng giống, vườn giống, cây trọt được công nhận.

e) Thông đuôi ngựa (*Pinus massoniana* Lamb): Rừng giống, vườn giống được công nhận.

2. Cây LSNG

- a) Quế (*Cinnamomum cassia* Presl): Rừng giống, vườn giống được công nhận.
- b) Sơn tra (*Docynia indica* (Wall) Dec): Rừng giống, vườn giống, cây trội được công nhận

III. VÙNG ĐÔNG BẮC, gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Bắc Giang.

1. Cây lấy gỗ

- a) Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd): các xuất xứ Pongaki, Cardwell, Iron Range; Rừng giống, vườn giống được công nhận.
- b) Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*): BV10, BV16, BV32, BV73, BV75, BV33.
- c) Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake) và các giống lai với Bạch đàn urô (*Eucalyptus* hybrid): PN2, PN14, U6, PNCT3, PNCT_{IV}, PN108, UP35, UP72, UP95, UP99.
- d) Mỡ (*Manglietia conifera* Dandy): Rừng giống, vườn giống, cây trội được công nhận.
- đ) Thông đuôi ngựa (*Pinus massoniana* Lamb.): Rừng giống, vườn giống được công nhận.
- e) Sa mộc (*Cunninghamia lanceolata* (Lamb.) Hook): Rừng giống, vườn giống, cây trội được công nhận.

2. Cây LSNG

- a) Hồi (*Illicium verum* Hook.f): Rừng giống, vườn giống, cây trội được công nhận.
- b) Thông nhựa (*Pinus merkusii* Jungh. et de Vries): Rừng giống, vườn giống được công nhận.

IV. VÙNG BẮC TRUNG BỘ, gồm 6 tỉnh: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

1. Cây lấy gỗ

- a) Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd): các xuất xứ Pongaki, Cardwell, Iron Range; Rừng giống, vườn giống được công nhận.
- b) Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*): BV10, BV32, BV16, BV73, BV75, BV33, AH1, AH7, TB11.
- c) Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake) và các giống lai với Bạch đàn urô (*Eucalyptus* hybrid): PN14, PN10, PN108, U1088, U892, U821, U416, U262, UP35, UP54.
- d) Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis* A.Cunn. ex Benth): AA1, AA9, BVlt83, BVlt84, BVlt85, Clt98.
- đ) Mỡ (*Manglietia conifera* Dandy): Rừng giống, vườn giống, cây trội được công nhận.

2. Cây LSNG

- a) Luồng (*Dendrocalamus* sp).
- b) Quế (*Cinnamomum cassia* Presl): Rừng giống, vườn giống được công nhận

c) Thông nhựa (*Pinus merkusii* Jungh. et de Vries): Rừng giống, vườn giống được công nhận

V. VÙNG NAM TRUNG BỘ, gồm 8 tỉnh: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.

1. Cây lấy gỗ

a) Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd): các xuất xứ Pongaki, Cardwell, Iron Range; Rừng giống, vườn giống được công nhận.

b) Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*): BV10, BV16, BV32, BV73, BV75, BV33, TB01, TB11, TB15

c) Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake) và các giống lai với Bạch đàn urô (*Eucalyptus hybrid*): PN14, U6, UP35, UP54

d) Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis* A.Cunn. ex Benth): AA1, AA9, Clt98, Clt18, BVlt83, BVlt84, BVlt85.

đ) Bạch đàn caman (*Eucalyptus camaldulensis* Dehnh): C9, C55, C159, BV22

e) Sao đen (*Hopea odorata* Roxb): Rừng giống, vườn giống, cây trội được công nhận.

2. Cây LSNG

a) Xoan chịu hạn (*Azadirachta indica* A.Juss): Rừng giống, vườn giống, cây trội được công nhận.

b) Trôm (*Sterculia foetida* L): Rừng giống, vườn giống, cây trội được công nhận.

c) Quế (*Cinnamomum cassia* Presl): Rừng giống, vườn giống được công nhận.

VI. VÙNG TÂY NGUYÊN, gồm 5 tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum.

1. Cây lấy gỗ

a) Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*): BV10, BV16, BV32, BV33, TB05, TB06, TB12, TB03, TB01, TB7, TB11.

b) Bạch đàn urô Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake): PN21, PN108, U6.

c) Thông ba lá (*Pinus kesiya* Royle ex Gordon): Rừng giống, vườn giống được công nhận.

2. Cây LSNG

a) Bời lời đỏ (*Litsea glutinosa* (Lowr.) C.B.Rob): Rừng giống, vườn giống, cây trội được công nhận.

b) Mắc ca (*Macadamia integrifolia* Maid. et Betcher): OC, 246, 816, 849.

VII. VÙNG ĐÔNG NAM BỘ, gồm 6 tỉnh: Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*): BV10, BV16, BV32, BV33, BV71, AH1, AH7, TB05, TB06, TB12, TB03, TB01, TB7, TB11, KL2, KLTA3.

2. Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis* A.Cunn. ex Benth): AA1, AA9; Clt18, Clt98.

3. Dầu rái (*Dipterocarpus alatus* Roxb): Rừng giống, vườn giống, cây trội được công nhận.

4. Sao đen (*Hopea odorata* Roxb): Rừng giống, vườn giống, cây trội được công nhận.

VIII. VÙNG TÂY NAM BỘ, gồm 12 tỉnh: Long An, Bến Tre, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Cần Thơ, Tiền Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, An Giang, Trà Vinh.

1. Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*): BV10, BV16, BV32, BV33, BV71, AH1, AH7, TB05, TB06, TB12, TB03, TB01, TB7, TB11; KL2.
2. Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis* A.Cunn. ex Benth): AA1, AA9.
3. Tràm lá dài (*Melaleuca leucadendra* L): Weipa QLD, Rifle CK.QLD, Cambridge G.WA, Kuru PNG.
4. Đước đôi (*Rhizophora apiculata* Blume): Rừng giống, vườn giống được công nhận.
5. Tràm ta (*Melaleuca cajuputi* Powell): Tịnh Biên, Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, các rừng giống, vườn giống được công nhận./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hà Công Tuấn

**DANH MỤC CÁC LOÀI CÂY CHỦ YẾU TRỒNG RỪNG
THEO 9 VÙNG SINH THÁI LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số *496A* /QĐ-BNN-TCLN ngày *17* tháng *11* năm 2014
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. VÙNG TÂY BẮC (TB), gồm 4 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hoà Bình

1. Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake) và các giống lai với Bạch đàn urô (*Eucalyptus hybrid*).
2. Cọ phên và Cọ khiết (*Protium serratum* Engl. và *Dalbergia hupeana* Hance var. *laccifera* Eberhardt et Dubard).
3. Giổi xanh (*Michelia mediocris* Dandy).
5. Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*).
6. Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd).
7. Lát hoa (*Chukrasia tabularis* A. Juss).
8. Luồng (*Dendrocalamus* sp).
9. Mắc ca (*Macadamia integrifolia* Maid. et Betcher).
10. Mây nếp (*Calamus tetradactylus* Hance).
11. Mỡ (*Manglietia conifera* Dandy).
12. Sa mộc (*Cunninghamia lanceolata* (Lamb.) Hook).
13. Sô (*Camellia sasanqua* Thunb).
14. Sơn tra (*Docynia indica* (Wall) Dec).
15. Téch (*Tectona grandis* L).
16. Thông caribê (*Pinus caribaea* Morelet).
17. Thông đuôi ngựa (*Pinus massoniana* Lamb).
18. Tống quả sù (*Alnus nepalensis* D. Don).
19. Trám trắng (*Canarium album* (Lour) Raeusch).
20. Trám đen (*Canarium tramdenum* Dai & Ykovl).
21. Trầu (*Vernicia montana* Lour).
22. Tre (*Bambusa* sp).
23. Vối thuốc (*Schima wallichii* Choisy).
24. Xoan ta (*Melia azedarach* L).

II. VÙNG TRUNG TÂM (TT), gồm 6 tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc.

1. Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake) và các giống lai với Bạch đàn urô (*Eucalyptus hybrid*).
2. Bồ đề (*Styrax tonkinensis* (Pierre) Craib ex Hardw).
3. Chò chỉ (*Parashorea chinensis* Wang Hsie).

4. Giỏi xanh (*Michelia mediocris* Dandy).
5. Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*).
6. Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd).
7. Lát hoa (*Chukrasia tabularis* A. Juss).
8. Lim xanh (*Erythrophloeum fordii* Oliv).
9. Luồng (*Dendrocalamus* sp).
10. Mây nếp (*Calamus tetradactylus* Hance).
11. Mỡ (*Manglietia conifera* Dandy).
12. Pơ mu (*Fokienia hodginsii* Henry et Thomas).
13. Quế (*Cinnamomum cassia* Presl).
14. Sa mộc (*Cunninghamia lanceolata* (Lamb.) Hook).
15. Sơn tra (*Docynia indica* (Wall) Dec).
16. Thông ba lá (*Pinus kesiya* Royle ex Gordon).
17. Thông caribê (*Pinus caribaea* Morelet).
18. Thông đuôi ngựa (*Pinus massoniana* Lamb).
19. Tồng dù (*Toona sinensis* (A.Juss.) Spreng).
20. Tồng quỳ sủ (*Alnus nepalensis* D. Don).
21. Trám trắng (*Canarium album* (Lour) Raeusch).
22. Trám đen (*Canarium tramdenum* Dai & Ykovl).
23. Tre (*Bambusa* sp).
24. Vối thuốc (*Schima wallichii* Choisy).
25. Xoan ta (*Melia azedarach* L).

III. VÙNG ĐÔNG BẮC (ĐB), gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Bắc Giang.

1. Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake) và các giống lai với Bạch đàn urô (*Eucalyptus hybrid*).
2. Dẻ ăn hạt (*Castanea mollissima* Blume và *Castanopsis boisii* Hickel et Camus).
3. Giỏi xanh (*Michelia mediocris* Dandy).
4. Hồi (*Illicium verum* Hook.f).
5. Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*).
6. Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd).
7. Lim xanh (*Erythrophloeum fordii* Oliv).
8. Mỡ (*Manglietia conifera* Dandy).
9. Quế (*Cinnamomum cassia* Presl).
10. Sa mộc (*Cunninghamia lanceolata* (Lamb.) Hook).
11. Sô (*Camellia sasanqua* Thunb).
12. Sồi phẳng (*Lipthocarpus fissus* Champ. ex Benth).
13. Thông caribê (*Pinus caribaea* Morelet).
14. Thông đuôi ngựa (*Pinus massoniana* Lamb).
15. Thông nhựa (*Pinus merkusii* Jungh. et de Vries).
16. Tồng dù (*Toona sinensis* (A.Juss) M. Roem).

17. Trám trắng (*Canarium album* (Lour) Raeusch)
18. Trám đen (*Canarium tramdenum* Dai & Ykovl).
19. Trúc sào (*Phyllostachys edulis* H. de Leh).
20. Vối thuốc (*Schinus wallichii* Choisy).
21. Xoan ta (*Melia azedarach* L.).

IV. VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (ĐBSH), gồm 9 tỉnh: Hải phòng, Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nội, Thái Bình, Nam Định, Hà nam, Ninh Bình.

1. Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake) và các giống lai với Bạch đàn urô (*Eucalyptus hybrid*).
2. Bần chua (*Sonneratia caseolaris* (L.) Engl).
3. Hoè (*Sophora japonica* L.).
4. Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis* A.Cunn. ex Benth).
5. Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*).
6. Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd).
7. Lát hoa (*Chukrasia tabularis* A.Juss).
8. Luồng (*Dendrocalamus* sp).
9. Mây nếp (*Calamus tetradactylus* Hance).
10. Phi lao (*Casuarina equisetifolia* Forst. et Forst. f).
11. Sầu (*Dracontomelon duperreanum* Pierre).
12. Sưa (*Dalbergia tonkinensis* Prain).
12. Trang (*Kandelia obovata* Sheue, Liu & Yong).
14. Tre (*Bambusa* sp).
15. Xà cừ (*Khaya senegalensis* (Desr.) A.Juss).
16. Xoan ta (*Melia azedarach* L).

V. VÙNG BẮC TRUNG BỘ (BTB), gồm 6 tỉnh: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

1. Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake) và các giống lai với Bạch đàn urô (*Eucalyptus hybrid*).
2. Bần chua (*Sonneratia caseolaris* (L.) Engl).
3. Dó bầu (*Aquilaria crassna* Pierre).
4. Huỳnh (*Tarrietia javanica* Blume).
5. Keo chịu hạn (*Acacia difficilis*, *Acacia tumida*; *Acacia torulosa*).
6. Keo lá liềm (*Acasia crasscarpa* A.Cunn. ex Benth).
7. Keo lá tràm (*Acaria auriculiformis* A.Cunn. ex Benth).
8. Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*).
9. Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd).
10. Lát hoa (*Chukrasia tabularis* A.Juss).
11. Lim xanh (*Erythrophloeum fordii* Oliv).
12. Luồng (*Dendrocalamus* sp).

13. Mắc ca (*Macadamia integrifolia* Maid. et Betcher).
14. Mây nếp (*Calamus tetradactylus* Hance).
15. Mỡ (*Manglietia conifera* Dandy).
16. Phi lao (*Casuarina equisetifolia* Forst. et Forst. f).
17. Quế (*Cinnamomum cassia* Presl).
18. Sền trung (*Homalium ceylanicum* (Gardn) Benth).
19. Sờ (*Camellia sasanqua* Thunb).
20. Sồi phẳng (*Lithocarpus fissus* Champ. ex Benth).
21. Sua (*Dalbergia tonkinensis* Prain).
22. Thông caribê (*Pinus caribaea* Morelet).
23. Thông nhựa (*Pinus merkusii* Jungh. et de Vries).
24. Trám trắng (*Canarium album* (Lour) Raeusch)
25. Trám đen (*Canarium tramdenum* Dai & Ykovl).
26. Trang (*Kandelia obovata* Sheue, Liu & Yong).
27. Tre (*Bambusa* sp).
28. Xoan ta (*Melia azedarach* L.).

VI. VÙNG NAM TRUNG BỘ (NTB), gồm 8 tỉnh: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.

1. Bạch đàn caman (*Eucalyptus camaldulensis* Dehnh.).
2. Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake) và các giống lai với urô (*Eucalyptus* hybrid).
3. Bần (*Sonneratia* sp)
4. Bời lời đỏ (*Litsea glutinosa* (Lour.) C.B.Rob).
5. Dầu rái (*Dipterocarpus alatus* Roxb).
6. Dó bầu (*Aquilaria crassna* Pierre).
7. Đước, Đưng (*Rhizophora* sp)
8. Huỷnh (*Tarrietia javanica* Blume).
9. Keo chịu hạn (*Acacia difficilis*, *Acacia tumida*, *Acacia torulosa*).
10. Keo lá liềm (*Acacia crassicaarpa* A.Cunn. ex Benth).
11. Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis* A.Cunn).
12. Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*).
13. Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd).
14. Lim xanh (*Erythrophloeum fordii* Oliv).
15. Mắm (*Avicenia* sp).
16. Phi lao (*Casuarina equisetifolia* Forst. et Forst. f).
17. Quế (*Cinnamomum cassia* Pretl).
18. Sao đen (*Hopea odorata* Roxb).
19. Thông caribê (*Pinus caribaea* Morelet).
20. Trôm (*Sterculia foetida* L).
21. Vẹt (*Bruguiera* sp).

22. Ươi (*Sterculia macropodium* (Miq.) Beumee).
23. Xoan chịu hạn (*Azadirachta indica* A.Juss).
24. Xoan ta (*Melia azedarach* L)

VII. VÙNG TÂY NGUYÊN (TN), gồm 5 tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum.

1. Bạch đàn (*Eucalyptus* sp) và các giống lai (*Eucalyptus* hybrid).
2. Bời lời đỏ (*Litsea glutinosa* (Lowr) C.B.Rob).
3. Dầu rái (*Dipterocarpus alatus* Roxb).
4. Gáo (*Neolamarckia cadamba* (Roxb) Bosser và *Nauclea orientalis* (L.)).
5. Giổi xanh (*Michelia mediocris* Dandy).
6. Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis* A.Cunn).
7. Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*).
8. Mắc ca (*Macadamia integrifolia* Maid. et Betcher).
10. Sao đen (*Hopea odorata* Roxb).
11. Sưa (*Dalbergia tonkinensis* Prain).
12. Tách (*Tectona grandis* L).
13. Thông ba lá (*Pinus kesiya* Royle ex Gordon).
14. Thông caribê (*Pinus caribaea* Morelet).
15. Xoan ta (*Melia azedarach* L)

VIII. VÙNG ĐÔNG NAM BỘ, gồm 6 tỉnh: Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Bạch đàn (*Eucalyptus pellita*, *E. urophylla*, *E. camaldulensis* và giống lai).
2. Bần (*Sonneratia* sp)
3. Dầu rái (*Dipterocarpus alatus* Roxb).
4. Dó bầu (*Aquilaria crassna* Pierre).
5. Đước, Đung (*Rhizophora* sp)
6. Gáo trắng (*Neolamarkia cadamba* (Roxb) Bosser).
7. Gáo vàng (*Nauclea orientalis* L).
8. Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis* A.Cunn).
9. Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*).
10. Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd).
11. Mắm (*Avicenia* sp).
12. Sao đen (*Hopea odorata* Roxb).
13. Sưa (*Dalbergia tonkinensis* Prain).
14. Tách (*Tectona grandis* L).
15. Thông caribê (*Pinus caribaea* Morelet).
16. Tre (*Bambusa* sp).
17. Vẹt (*Bruguiera* sp)
18. Xà cừ (*Khaya senegalensis* (Desr) A.Juss)

IX. VÙNG TÂY NAM BỘ (TNB) gồm 12 tỉnh: Long An, Bến Tre, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Cần Thơ, Tiền Giang, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, An Giang, Trà Vinh.

1. Đạci đàn (*Eucalyptus urophylla*, *E. cumaldulensis* và giống lai).
2. Bần (*Sonneratia* sp.)
3. Dầu rái (*Dipterocarpus alatus* Roxb.).
4. Đước, Đung (*Rhizophora* sp.)
5. Dó bầu (*Aquilarria crassna* Pierre).
6. Gáo trắng (*Neolamarkia cadamba* (Roxb.) Bosser).
7. Gáo vàng (*Nauclea orientalis* L.).
8. Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis* A.Cunn.).
9. Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*).
10. Mắm (*Avicenia* sp.).
11. Sao đen (*Hopea odorata* Roxb.).
12. Tràm lá dài (*Melaleuca leucadendra* L.).
13. Tràm năm gân (*Melaleuca quinquenervia* (Cav.) S.T. Blacke).
14. Tràm ta (*Melaleuca cajuputi* Powell)
15. Vẹt (*Bruguiera* sp.).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Hà Công Tuấn